

Bản án số: 16/2023/HS-ST

Ngày: 20 - 02 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn.

Thẩm phán: Ông Trần Văn Lam

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Trần Mai Khanh

Ông Phạm Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 217/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HS ngày 30/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hồ Thị H**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 25 tháng 6 năm 1988 tại huyện TK, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký NKTT và nơi ở hiện tại: Xóm Tân Hồng, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hồ Đình Hạ, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1964; anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ 2; chồng Dur Văn C, sinh năm 1982 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nghệ An từ ngày 23/3/2022 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Đoàn Thanh G**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 27 tháng 9 năm 1975 tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký NKTT và nơi ở hiện tại: Khối 1 thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đoàn Tử Long, sinh năm 1934 và con bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1934; anh chị em ruột: Có 04 người, bị can là con thứ 3; chồng: Nguyễn Minh Tùng, sinh năm 1982 (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/02/2012, bị Công an TP

Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm Hành chính 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, thi hành xong ngày 28/6/2012.

Ngày 27/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Nghệ An xử phạt 7 tháng tù về Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Đã chấp hành xong án phạt tù ngày 23/10/2022.

Bị can bị bắt, tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nghệ An từ ngày 23/10/2022 đến nay.

3. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam. sinh ngày 19 tháng 5 năm 1975 tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký NKTT và nơi ở hiện tại: xóm Thị Tứ, xã TA, huyện TK, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa 12/12; nghề nghiệp: Công chức Tư pháp xã TA, TK. Đảng Phái: Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 68 ngày 06/0/2022 của UBKT Huyện ủy TK, tỉnh Nghệ An; con ông Nguyễn Xuân Thành (chết) và con bà Lê Thị Hạnh, sinh năm 1948 (Hưu trí); anh chị em ruột có 05 người, bị can là con thứ 2; vợ: Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1977 và có 03 con, (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Nghệ An từ ngày 27/5/2022 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị H: Luật sư Mai Sỹ Lương – Văn phòng luật sư Quang Lương và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt

Người bị hại:

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1950, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Nam Tiến, xã NP, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1970, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Thị Tứ, xã TA, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Ông Bùi Đức S, sinh năm 1956, có mặt.

Nơi cư trú: Khôi 2, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989 có mặt.

Nơi cư trú: Bản Hiện, xã Tiên Kỳ, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Chị Ngô Thị L, sinh năm 1992, có mặt

Nơi cư trú: Xóm Lập Bình, xã Đồng Văn, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Xóm Tân Hồng, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An; đều có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cao Tiến T2, sinh năm 1964; có mặt ngày 15/02/2023, vắng mặt ngày 20/02/2023 có đơn xin xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Đô Lương, xã TA, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Anh Nguyễn Quang T3, sinh năm 1976, có mặt ngày 15/02/2023, vắng mặt ngày 20/02/2023 có đơn xin xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Thanh Bình, xã TA, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Nghĩa Hòa, xã NP, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Anh Dư Văn C, sinh năm 1982, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Tân Hồng, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Ông Trần Quốc T3, sinh năm 1954, vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Thị Tứ, xã TA, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

- Anh Trần Văn D, sinh năm 1998, có mặt.

Nơi cư trú: Bản Hiện, xã Tiên Kỳ, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2021, do nợ nần cần lượng tiền lớn để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nhưng không có tài sản để thế chấp vay tiền nên Hồ Thị H nảy sinh ý định, làm giả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Thông qua một người có tên ZaLo là “Nguyễn Vượng” không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, H đã thuê người này làm 07 GCNQSDĐ giả với giá 4.000.000 đồng/01 giấy, gồm:

(1) GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả: số CK535522 do UBND huyện TK cấp ngày 06/11/2019 cấp mang tên ông Dư Văn C, sinh năm 1982 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An đối với thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; Địa chỉ thửa đất: Xóm Tân Thành, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

(2) GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả: số CK543083 do UBND huyện TK cấp ngày 16/4/2020 cấp mang tên ông Kim Văn Phụng, sinh năm 1989 và bà Vi Thị Thúy, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm Tân Sơn, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An, đối với thửa đất số 745, tờ bản đồ số 14, địa chỉ Xóm Tân Sơn, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

(3) GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả: số CK535522 do UBND huyện TK cấp ngày 20/10/2019 cấp mang tên Hồ Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Khối 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

(4) GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả: số CK535522 do UBND huyện TK cấp ngày 06/11/2019 cấp mang tên Hồ Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Xóm Tân Thành, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

(5) GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả: số CK535522 do UBND huyện TK cấp ngày 20/6/2019 cấp mang tên Hồ Thị H,

sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Khối 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

(6) GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả: số CN887077 do UBND huyện TK cấp ngày 15/7/2020 cấp mang tên Hồ Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm Tân Hồng, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 18; địa chỉ: Khối 1, Thị Trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

(7) GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả: số CK535522 do UBND huyện TK cấp ngày 19/7/2019 cấp mang tên Hồ Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Khối 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An;

Sau khi làm xong 07 giấy CNQSDĐ giả thì người đàn ông có tên zalo “Nguyễn Vượng” chuyển cho H và H trả tiền cho người này thông qua dịch vụ chuyển hàng. Hồ Thị H đã sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố, chuyển nhượng các thửa đất không có thật cho một số công dân trên địa bàn huyện TK để lấy tiền sử dụng cá nhân. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1950, trú tại xã NP, huyện TK, Nghệ An số tiền 1.305.000.000 đồng.

Lần 1: Vào khoảng tháng 8/2020, H đem 04 GCNQSDĐ giả gồm:

GCNQSDĐ số CK535522 mang tên Dư Văn C và Hồ Thị H; GCNQSDĐ số CK 543083 mang tên Kim Văn Phụng và Vi Thị Thúy; GCNQSDĐ số A0 527831 mang tên Trần Đăng Huy và Nguyễn Thị Lập; GCNQSDĐ số I 104972 mang tên Đậu Xuân Tứ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là thật, do anh Đậu Đình Chương- con trai ông Đậu Xuân Tứ, trú tại xóm Tân Hồng, xã HS, huyện TK bỏ quên tại nhà Hồ Thị H).

Hồ Thị H lừa ông Nguyễn Văn T1 là 04 GCNQSDĐ này thì có 01 giấy CNQSDĐ của H, 03 giấy CNQSDĐ còn lại là của người khác đang cầm cố cho H để vay tiền, nhưng họ chưa có trả cho H, nay H cần tiền nên mang 04 giấy CNQSDĐ này đến cầm cố cho ông T1 để vay tiền. Do tin H nói thật nên ông T1 đồng ý cho H cầm cố 04 Giấy CNQSDĐ nêu trên để vay số tiền 250.000.000 đồng, với lãi suất 2,5%/tháng.

Lần 2: Đến tháng 02/2021, H tiếp tục cầm cố cho ông T1 01 giấy CNQSDĐ giả số CK535522 mang tên Hồ Thị H, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK. Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Khối 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An; Diện tích: 224.0 m; để vay tiếp 320.000.000 đồng (lãi suất 2.500đồng/1.000.000đồng/ngày (tương đương 90%/năm).

Sau nhiều lần ông T1 yêu cầu H trả tiền gốc và lãi nhưng H không có để trả, thì ngày 08/12/2021, H đến nhà ông T1 đề nghị chuyển nhượng cho ông T1 thửa đất có Giấy CNQSDĐ đất giả số CK535522 mang tên Hồ Thị H, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03;

địa chỉ: Khối 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An; diện tích: 224.0 m² để trừ khoản nợ 815.000.000 đồng cho ông T1. (gồm 570 triệu đồng tiền gốc và 245.000.000 đồng tiền lãi suất mà H còn nợ ông T1). Sau khi thống nhất, H viết Giấy chuyển nhượng đất ghi ngày 08/12/2021 cho ông T1 cất giữ.

Đến ngày 29/12/2021, ông T1 yêu cầu H pH làm Hợp đồng chuyển nhượng đất cho đúng quy định pháp luật. H đồng ý và liên hệ với Nguyễn Xuân T là Cán bộ Tư pháp xã TA, huyện TK, tỉnh Nghệ An nhờ làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ). H nói với T “H đang cần tiền nên vay tiền của ông T1, nhưng ông T1 yêu cầu pH làm Hợp đồng chuyển nhượng đất cho chắc chắn, mới cho vay; T cứ làm, H sẽ bồi dưỡng đầy đủ”. Vì vụ lợi nên T lập hợp đồng chuyển nhượng đất từ H sang cho ông T1. Ở phần lời chứng thực, tại mục “người tiếp nhận hồ sơ” T ký trực tiếp, còn ở mục Phó Chủ tịch thì T sử dụng dấu chữ ký của ông Nguyễn Quang T3 – Phó Chủ tịch UBND xã TA để đóng vào Hợp đồng chuyển nhượng đất. Sau đó T lấy con dấu UBND xã TA đóng lên hình dấu chữ ký Nguyễn Quang T3. Hoàn thiện hợp đồng xong, T giao cho ông T1 và H mỗi người 01 bản.

T được Hồ Thị H trả số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Với Hợp đồng chuyển nhượng này, H viết giấy vay đề ngày 29/12/2021 xác nhận vay của ông T1 số tiền 815.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng. Nếu sau 01 tháng mà H không trả hết tiền cho ông T1 thì sẽ chuyển nhượng thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T1.

Lần 3: Ngày 24/01/2022, H tiếp tục mang GCNQSDĐ giả: số CN887077 mang tên Hồ Thị H, địa chỉ: Xóm Tân Hồng, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 18; Địa chỉ: Khối 1, Thị Trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An; Diện tích: 300.0 m²; đến nhà ông T1 lừa là H có thửa đất này và muốn cầm cố cho ông T1 để vay tiền; thời hạn vay 10 ngày sẽ trả cả gốc lẫn lãi suất. Do thấy có bìa đất làm tài sản bảo đảm nên ông T1 tin tưởng cho H vay tổng số tiền là 735.000.000đ, trong đó:

- Ngày 24/01/2022 cho vay 300.000.000 đồng (tính tiền lãi của khoản vay 815.000.000đ là 80.000.000đ, nên ghi nợ là 380.000.000đ).

- Ngày 04/2/2022 cho vay 200.000.000 đồng (tính lãi các khoản vay trước là 10.000.000đ, nên ghi tổng nợ là 590.000.000đ)

- Ngày 14/02/2022 cho vay 155.000.000 đồng (tính lãi của các lần là 55.000.000đ, nên ghi tổng nợ là 800.000.000đ)

- Ngày 24/02/2022 cho vay 80.000.000 đồng (tính lãi thêm 20.000.000đ, nên ghi tổng nợ là 900.000.000đ).

Như vậy, trong khoản vay này, ông T1 cho vay tổng tiền gốc là 735.000.000 đồng, (còn tiền lãi ghi là 165.000.000 đồng)

Do chưa có tiền để trả nợ, nên ngày 24/2/2022, H viết giấy khất nợ cho ông T1 với nội dung H đang nợ ông T1 cả gốc lẫn lãi là 900.000.000 đồng (trong đó,

tiền gốc là 735.000.000 đồng, tiền lãi suất là 165.000.000 đồng) và hạn đến ngày 10/3/2022 sẽ trả hết cho ông T1.

Đến ngày 10/3/2022, H cũng không có tiền trả cho ông T1 như đã cam kết nên đã viết Giấy chuyển nhượng thửa đất cầm cố nêu trên cho ông T1. Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu H đến UBND thị trấn TK để làm thủ tục chuyển nhượng, nhưng do sợ bị phát hiện là GCNQSDĐ giả, nên H không chịu làm theo yêu cầu của ông T1.

Trong tháng 3/2022, H trả cho ông T1 150.000.000 đồng (lần 1 là 20.000.000 đồng, lần 2 là 30.000.000 đồng, lần 3 là 100.000.000 đồng vào ngày 11/3/2022).

Tổng số tiền mà H đã sử dụng các bìa đất giả nêu trên để lừa đảo chiếm đoạt của ông T1 là 250.000.000 đồng + 320.000.000 đồng + 735.000.000 đồng = 1.305.000.000 đồng. H đã trả 150.000.000 đồng, hiện đang chiếm đoạt là 1.155.000.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Đ sinh năm 1970, trú tại xóm Thị Tứ, xã TA, huyện TK, tỉnh Nghệ An số tiền 1.093.350.000 đồng.

Lần 1: Do trước đây đã vay tiền của bà Đ nhiều lần nhưng không có trả nên ngày 12/7/2021, H đi cùng Đoàn Thanh G, đến nhà bà Đ đem theo GCNQSDĐ giả số CK535522 mang tên Hồ Thị H, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Khôi 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An; Diện tích: 224.0 m². H lừa bà Đ là H có thửa đất theo GCNQSDĐ này, muốn cầm cố để vay tiếp bà Đ 90.400.000 đồng. Bà Đ đồng ý nên H viết giấy vay với tổng số tiền là 250.000.000 đồng, (trong đó số tiền vay thực nhận là 90.400.000 đồng + tiền gốc và tiền lãi của khoản vay từ năm 2016 là 159.600.000 đồng) và giao kết thời hạn vay là 3 năm.

Lần 2: Ngày 18/7/2021, H vay tiếp của bà Đ 60.000.000 đồng. Do đang giữ bìa đất mà H cầm cố nêu trên, nên bà Đ đồng ý. H nhận tiền rồi viết giấy vay nợ cho bà Đ cất giữ. Thời hạn vay là 1 đến 2 tháng.

Lần 3: Ngày 20/7/2021, H vay tiếp của bà Đ 270.000.000 đồng. Do đang giữ GCNQSDĐ mà H cầm cố nêu trên, nên bà Đ đồng ý. H nhận tiền rồi viết giấy vay nợ cho bà Đ cất giữ. Thời hạn vay là 1 đến 2 tháng.

Lần 4: Ngày 05/8/2021, H vay bà Đ tiếp 470.000.000 đồng. Do đã vay số tiền lớn, nên bà Đ yêu cầu H pH làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất nêu trên thì mới tiếp tục cho vay. Do đó, ngày 06/8/2021, H tiếp tục nhờ Nguyễn Xuân T làm Hợp đồng Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất ghi trong bìa đất mà H đang cầm cố cho bà Đ.

Mặc dù, GCNQSDĐ này ghi địa chỉ thửa đất ở Khôi 1, thị trấn TK, nhưng H nói với T rằng “H đang cần tiền nên muốn vay tiền bà Đ, nhưng bà Đ yêu cầu pH làm Hợp đồng chuyển nhượng đất cho chắc mới cho vay, nhờ T làm giúp, H

sẽ trả công cho T đầy đủ”. Nghi ngờ GCNQSDĐ của H là giả, nhưng vì mục đích vụ lợi nên T lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ghi ngày 06/8/2021 từ H sang cho bà Đ. Hợp đồng này T ký trực tiếp dưới mục “Người tiếp nhận hồ sơ” ở phần chứng thực Hợp đồng, còn chữ ký của ông Cao Tiến T2 – Chủ tịch UBND xã TA và dấu đỏ UBND xã TA thì T đã lợi dụng lúc không ai để ý, đã đến bộ phận văn phòng UBND xã TA, sử dụng dấu chữ ký của ông Cao Tiến T2 và dấu đỏ UBND xã TA đóng vào. (Ông T2 và cán bộ văn phòng không biết). Làm xong hợp đồng, T đưa cho H. Sau khi có hợp đồng chuyển nhượng, bà Đ đưa cho H số tiền 462.950.000đồng. (nhưng H viết giấy nhận tiền là 470.000.000 đồng vì bà Đ trừ 01 tháng tiền lãi là 7.050.000đ). Thời hạn vay là 1 đến 2 tháng.

Cũng trong ngày 06/8/2021, H đưa Đoàn Thanh G đến gặp T để nhờ làm chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng đất từ Đoàn Thanh G sang cho bà Đ để G vay tiếp của bà Đ 350.000.000 đồng. Do trước đó G cũng thuê một người không quen biết trên mạng internet làm giả 01 bìa đất có thông tin: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ tại khối 1, thị trấn TK, huyện TK, Nghệ An mang tên Đoàn Thanh G rồi cầm cố bìa đất giả này để vay tiền bà Đ nhiều lần, nên ngày 04/8/2021, bà Đ yêu cầu G pH làm Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Đ thì bà Đ mới đồng ý cho G vay tiền. Do đó, G nhờ H đưa đến gặp Nguyễn Xuân T để nhờ T làm. Lúc đầu T nghi ngờ 2 GCNQSDĐ của H và G là giả nên không làm thì G đi về. Tuy nhiên, trên Đ về thì T điện thoại cho H đồng ý làm. Do đó, T đồng ý lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ghi ngày 06/8/2021 từ G sang cho bà Đ, có chứng thực của UBND xã TA, trong đó, phần lời chứng hợp đồng, Nguyễn Xuân T rút từ hồ sơ L trữ đã có chữ ký dưới mục “Người tiếp nhận hồ sơ” là Nguyễn Xuân T và chữ ký của ông Nguyễn Quang T3 – Chủ tịch UBND xã TA và dấu đỏ UBND xã TA, rồi ghép vào Hợp đồng chuyển nhượng đất từ G sang cho bà Đ mà T soạn thảo. (Ông T3 không biết việc làm này của T).

Với việc lập, chứng thực 02 Hợp đồng chuyển nhượng đất nêu trên cho Hồ Thị H và Đoàn Thanh G, thì Nguyễn Xuân T được H và G trả cho tổng số tiền là 35.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 11/8/2021, H vay bà Đ tiếp số tiền 30.000.000đồng. H nhận tiền rồi viết giấy vay rồi đưa cho bà Đ cất giữ, thời hạn vay là 1 đến 2 tháng.

Lần 6: Ngày 16/8/2021, H vay tiếp của bà Đ số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 đến 2 tháng. H nhận tiền rồi viết giấy vay cho bà Đ cất giữ.

Lần 7: Ngày 19/8/2021, H tiếp tục đưa 01 GCNQSDĐ giả số CK535522 mang tên Hồ Thị H, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Xóm Tân Thành, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An; Diện tích: 957.4 m²; đến cầm cố cho bà Đ để vay tiếp 70.000.000 đồng. Tin tưởng bìa

đất này là thật nên bà Đ tiếp tục cho H vay, thời hạn vay là 1 đến 2 tháng. H nhận tiền rồi viết giấy đưa cho bà Đ cất giữ.

Khi vay tiền của bà Đ, H lừa là vay để đảo khế ngân hàng và thống nhất trả lãi suất 1,5 %/tháng cho bà Đ.

Tổng số tiền H đã lừa vay của bà Đ là 1.093.350.000 đồng.

Đến đầu tháng 9/2021, bà Đ phát hiện 02 GCNQSDĐ H cầm cố cho mình là giả nên đã yêu cầu H pH trả lại tiền, nếu không sẽ báo công an. Do đó H đã trả cho bà Đ 560.000.000đồng. Hiện H đang chiếm đoạt của bà Đ 533.350.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Bùi Đức S, sinh năm 1956, trú tại Khối 2, TT TK, huyện TK, Nghệ An số tiền 900.000.000đồng.

Lần 1: Do cần tiền trả nợ và sử dụng cá nhân nên ngày 27/8/2021, H đem GCNQSDĐ giả số CK535522 mang tên Hồ Thị H, địa chỉ: Xóm T3 Mỹ, xã HS, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 373, Địa chỉ: Khối 1, thị trấn TK, huyện TK; diện tích: 224.0m² đến cầm cố cho vợ chồng ông Bùi Đức S để vay 200.000.000 đồng. H nói dối với ông S là vay để mua lợn giống, chuyển đi các vùng miền ngược để bán kiếm lời và hứa vay là 3 tháng sẽ trả đầy đủ. Tin H, nên ông S đi vay Ngân hàng Agribank huyện TK 200.000.000 đồng để cho H vay; H và ông S thống nhất lãi suất cho vay là 3%/tháng (36 %/năm).

Lần 2: Ngày 22/9/2021 H vay tiếp 250.000.000đồng. Do đang cầm bìa đất của H, vợ chồng ông S nghĩ đã có tài sản bảo đảm nên đi vay Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phòng giao dịch TK rồi đưa cho H.

Lần 3: Ngày 27/9/2021 H lại vay tiếp 250.000.000đồng. Ông S vay Ngân hàng Agribank TK rồi đưa cho H.

Lần 4: Ngày 04/10/2021, H lại vay tiếp 200.000.000đồng. Ông S vay Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt phòng giao dịch TK rồi đưa cho H.

Tổng số tiền H lừa để vay của ông S là 900.000.000 đồng. H mới trả 53.000.000 đồng, hiện đang chiếm đoạt 847.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2021, H lừa vợ chồng ông S là xin lại GCNQSDĐ nêu trên để đi cầm cố ngân hàng vay tiền về trả cho ông S, nên ông S đã trả lại cho H. Sau khi lấy được GCNQSDĐ giả này, sợ bị phát hiện là giấy giả nên H đã tiêu hủy và không trả lại tiền cho ông S.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989, trú tại xã Tiên Kỳ, huyện TK, tỉnh Nghệ An số tiền 590.000.000đồng.

Do cần tiền trả nợ và sử dụng cá nhân, biết chị H1 có tiền nhàn rỗi (chồng đi nước ngoài gửi về) nên H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H1. H lừa chị H1 là cần vay nóng tiền để đảo khế ngân hàng, sau khi xong việc sẽ chi hoa hồng cho chị H1 (cụ thể là bao nhiêu thì chị H1 không yêu cầu). Do là bạn bè nên tin tưởng, chị H1 đã cho H vay, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 10/2021, H nói H1 cho vay 200.000.000 đồng để đảo khê ngân hàng cho người khác và hẹn đầu năm 2022 (qua rằm tháng giêng) sẽ trả. Chị H1 tin tưởng nên cho H vay. Sau khi lấy được tiền H sử dụng để trả nợ.

Lần 2: Cũng trong tháng 10/2022, H vay chị H1 tiếp 100.000.000 đồng.

Lần 3: Tháng 11/2021, H vay chị H1 tiếp 200.000.000 đồng.

Lần 4: Tháng 12/2021, H vay chị H1 90.000.000 đồng. (04 khoản vay này giữa chị H1 và H không lập giấy tờ gì và xác định đây là các giao dịch dân sự).

Lần 5: Ngày 26/01/2022, H nói với chị H1 là H có 02 GCNQSDĐ muốn cầm cố cho chị H1 để vay tiếp 700.000.000 đồng nữa. Chị H1 đồng ý cho H vay nếu có 02 bìa đất như H nói. Tối ngày 26/01/2022, H đưa cho chị H1 02 GCNQSDĐ giả gồm:

01 GCNQSDĐ số CK535522 mang tên Hồ Thị H. Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Khối 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Nghệ An; Diện tích: 224.0 m²; Ngày cấp: 19/7/2019;

01 GCNQSDĐ đất có đặc điểm: Giấy mang tên Hồ Thị H, Thửa đất số 124, tờ bản đồ số 64. Địa chỉ: Xóm Thanh Bình, xã TA, huyện TA, huyện TK, Nghệ An; diện tích: 278,4m²; ngày cấp 27/8/2021;

Chị H1 thấy bìa đất có dấu đỏ nên tin tưởng và đồng ý cho H vay tiếp 700.000.000 đồng. H viết giấy vay nợ đề ngày 26/01/2022 xác nhận vay của chị H1 là 1.290.000.000 đồng (Bao gồm 590.000.000 đồng của 04 lần vay trước và 700.000.000 đồng sau khi đã lừa cầm cố bìa đất).

Khoảng đầu tháng 2/2022, H trả cho chị H1 700.000.000 đồng nhưng không trả tiền hoa hồng như đã hứa mà hứa qua rằm tháng giêng năm 2022 sẽ trả số tiền 590.000.000 đồng và tiền hoa hồng luôn một lần.

Sau khi trả 700.000.000 đồng cho chị H1 thì H lừa chị H1 là xin lấy lại 01 GCNQSDĐ để cho người mua đất kiểm tra, sau khi bán đất xong thì H sẽ trả hết tiền cho H1, nên chị H1 tin tưởng đã giao cho H 01 GCNQSDĐ mang tên Hồ Thị H. Thửa đất số 124, tờ bản đồ số 64. Địa chỉ: Xóm Thanh Bình, xã TA, huyện TA, huyện TK, Nghệ An; diện tích: 278,4m²; ngày cấp 27/8/2021; Người ký ghi tên Nguyễn Văn Sỹ - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai; Số vào sổ cấp GCN: CS 00359; Do chị H1 đang giữ của H 02 GCNQSDĐ nên chị H1 đồng ý cho H lấy lại GCNQSDĐ nêu trên.

Đến ngày 26/2/2022, khi chị H1 đang ở Hà Nội thì H điện thoại cho chị H1 nói “muốn lấy GCNQSDĐ còn lại (Số CK535522) để cầm cố cho người khác để lấy tiền trả nợ cho chị H1” nên chị H1 đồng ý. Sau đó, chị H1 nhờ chị Ngô Thị L (cũng là bị hại trong vụ án này) đến nhà chị H1 để lấy GCNQSDĐ đó cho H. Sau khi lấy được GCNQSDĐ giả này, H sử dụng để lừa bán đất cho anh Trần Văn D để trừ khoản nợ vay của chị L.

Ngày 28/2/2022, nghe chị L nói GCNQSDĐ chị L lấy của chị H1 là giả thì chị H1 yêu cầu H trả tiền, nhưng H không có tiền để trả cho chị H1.

Như vậy, bằng thủ đoạn cầm cầm 02 bìa đất giả, H đã lừa đảo chiếm đoạt của chị H1 590.000.000 đồng.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Ngô Thị L, sinh năm 1992, trú tại xóm Lập Bình, xã Đồng Văn, huyện TK, Nghệ An số tiền 700.000.000 đồng.

Khoảng tháng 1/2022, biết chị Ngô Thị L có tiền nên H đến lừa chị L là cần vay tiền nóng mấy ngày để đảo khế ngân hàng (nhưng thực chất là H vay để trả nợ). H hứa sẽ trả cho chị L với lãi suất cao (2.000.000đ/ngày/1000.000đ, tương đương 72%/năm). Do thân quen, nên chị L đồng ý cho H vay cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 09/01/2022 cho vay 100.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 10/01/2022 cho vay 100.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 12/01/2022 cho vay 300.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 13/01/2022 cho vay 200.000.000 đồng;

Tổng cộng là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng;

Sau đó, H lại trả lại cho chị L 18.000.000đ (gọi là tiền lãi suất).

Do đây là tiền của anh Trần Văn D nhờ chị L cất giữ. Khi biết chị L tự ý cho H vay nên đầu tháng 2/2022, anh D yêu cầu chị L trả lại tiền cho mình. Vì vậy, chị L yêu cầu H trả lại tiền. Tuy nhiên, H không có tiền để trả. Do đó, H lừa chị L là H có 01 thửa đất ở Khối 1, thị trấn TK, H sẽ thế chấp ngân hàng để vay tiền trả cho chị L. Nhưng do GCNQSDĐ H đang gửi cho chị Nguyễn Thị H1 (là bị hại trong vụ án đã nêu tại mục 1.4) nên H rủ chị L cùng đến nhà chị H1 để lấy.

Sau khi lấy được GCNQSDĐ giả này, H đưa cho chị L cất giữ để làm tin. Sau đó, H liên lạc và lừa anh D là H sẽ chuyển nhượng thửa đất của H ở Khối 1 thị trấn TK theo GCNQSDĐ giả này) cho anh Trần Văn D với giá 1.000.000.000 đồng, nếu trong vòng 3 tháng tới mà H không trả được nợ gốc lẫn lãi cho anh D thì anh D có quyền sang tên thửa đất đó với điều kiện anh D pH trả cho H thêm 250.000.000 đồng nữa cho tròn 1.000.000.000 đồng. Anh D tin tưởng và đồng ý với phương án này.

S ngày 27/2/2022, H điện thoại cho Nguyễn Xuân T để tiếp tục nhờ làm Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất do từ H sang cho anh D. T đồng ý nên H đã gửi thông tin cá nhân của H và anh D cùng hình ảnh GCNQSDĐ giả nêu trên cho T để T làm Hợp đồng chuyển nhượng, trong đó lời chứng thực hợp đồng ghi là UBND thị trấn TK, trong đó Nguyễn Xuân T ký giả chữ ký của “Phan T3 Lệ” ở mục “người tiếp nhận hồ sơ”, còn ở mục “Người thực hiện chứng thực - Chủ tịch UBND thị trấn TK” T ký giả chữ ký của ông Đậu Trường Sơn. Còn dấu đỏ đóng trên chữ ký ghi tên Đậu Trường Sơn, T sử dụng con dấu UBND xã TA nhưng cố ý đóng dấu cho nhòe mục nên không đủ cơ sở kết luận giám định là do con dấu của cơ quan, tổ chức nào đóng ra.

Chiều tối ngày 27/2/2022, T đưa Hợp đồng chuyển nhượng đất cho H và anh D xem thì thấy đã có chứng thực của UBND thị trấn TK, H và anh D ký vào

Hợp đồng. Sau đó, H bảo chị L viết giấy nhận tiền với nội dung H nhận của anh D 750.000.000 đồng để chuyển nhượng thửa đất này.

S ngày 28/2/2022, anh D phát hiện GCNQSDĐ này là giả nên điện thoại cho H yêu cầu pH trả lại tiền, nếu không sẽ báo Công an. Do đó, H đã trả cho anh D 450.000.000 đồng.

Hiện tại, H đang chiếm đoạt của chị Ngô Thị L số tiền là: 700.000.000 đồng - 450.000.000 đồng - 18.000.000 đồng = 232.000.000 đồng.

Do bị anh Trần Văn D phát hiện là bìa đất giả nên H chưa trả tiền công cho T.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H trú tại xã HS, huyện TK, Nghệ An số tiền 300.000.000đ

Hồ Thị H quen thân với Đoàn Thanh G. Do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên trưa ngày 11/3/2022, H gọi điện thoại cho G nói “Em đang cần tiền để trả nợ nóng cho người khác. Mà em đang nói với họ là em có một mảnh đất ở Khối 1 thị trấn TK muốn bán, chị cho em mượn đất để dẫn họ đến xem để em lấy tiền đặt cọc của họ trả nợ”, Đoàn Thanh G đồng ý.

Sau khi G đồng ý, cùng ngày, H đến nhà vợ chồng ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H để lừa bán mảnh đất mượn của G. Khi gặp ông H1 bà H, Hồ Thị H nói: Cháu có miếng đất ở khối 1, thị trấn TK, huyện TK, Nghệ An, đất của ông bà ngoại cho, chú với mự có mua không”? Bà Nguyễn Thị H nói: “Đất rộng, dài mấy, giá bao nhiêu”? Thì H trả lời: “Đất rộng 7,5m, dài 40m, giá 90.000.000đ/ 1 m dài, thành tiền là 675.000.000đ, chú mự mà mua thì đặt cọc cho cháu trước 250.000.000đ” rồi đưa cho bà Nguyễn Thị H xem ảnh chụp GCNQSDĐ giả trong điện thoại của H. Tin H nên ông H1 và bà H đồng ý mua và ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng thửa đất đó với H, đồng thời đưa cho H 250.000.000 đồng.

S ngày 12/3/2022, theo yêu cầu của ông H1 bà H, Hồ Thị H dẫn ông H1 bà H đến thửa đất của G ở Khối 1, thị trấn TK, huyện TK, Nghệ An để xem và đo đất. Quá trình kiểm tra và đo đất thì G đi làm về. Thấy G về, H đến nói nhỏ với G: “Chị nói với họ là em đã mua đất của chị rồi nhé”. Nghe vậy, G biết là H đang lừa vợ chồng ông H1 bà H bán đất để chiếm đoạt tiền. Do đó, G tiếp cận vợ chồng ông H1 bà H và nói với ông H1 bà H là “đất đó là đất của G đã bán cho H”. Sau khi xem đất xong, thì ông H1 bà H ra về.

Ngày 18/3/2022, H tiếp tục đến nhà ông H1 nói là cần tiền để làm thủ tục sang tên thửa đất cho ông H1 nên yêu cầu đưa thêm 50.000.000 đồng nữa.

Hồ Thị H đã chiếm đoạt của vợ chồng ông H1 và bà H 300.000.000 đồng.

- Tại kết luận giám định số 195/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 25/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, kết luận:

+ 04 (Bốn) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” ký hiệu từ A1 đến A4 là giả.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Quang T3 dưới mục “Chủ tịch” trên “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu A5 là hình dấu ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Quang T3 dưới mục “P.Chủ tịch” trên 02 (hai) “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu A6 và A7 so với chữ ký của Nguyễn Quang T3 trên các tài liệu của mẫu so sánh ký hiệu M7, M8 là do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu chữ ký dưới mục “Chủ tịch” trên 02 (hai) “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu A8 và A9 so với chữ ký của Cao Tiến T2 trên các tài liệu của mẫu so sánh ký hiệu M9, M10, M11 là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký, chữ viết “Ng Xuân T” dưới mục “Người tiếp nhận hồ sơ” trên “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu A5; chữ ký dưới mục “Người tiếp nhận hồ sơ” trên 04 (bốn) “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu từ A6 đến A9 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Xuân T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M12, M13, M14 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký “H”, chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “Bên A” trên “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu A5; chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “BÊN A” trên 02 (hai) “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu A8, A9; chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “Đại diện bên B” trên 02 (hai) “Hợp đồng vay tiền” ký hiệu A10, A11; chữ ký “H”, chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “Ký và ghi rõ họ tên” trên “Hợp đồng vay tiền” ký hiệu A12; chữ ký “H”, chữ viết “Hò Thị Hải” dưới mục “Người chuyển nhượng” trên “Giấy Chuyển Nhượng Đất Vườn” ký hiệu A16; chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “Người Vay Tiền” trên “Hợp đồng Vay Tiền” ký hiệu A17; chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “Người Vay Tiền” và “Người vay” trên “Hợp Đồng Vay Tiền” ký hiệu A18; chữ ký “H”, chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “Người chuyển nhượng” trên “Giấy Chuyển Nhượng” ký hiệu A19 so với chữ ký, chữ viết của Hò Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M15 đến M18 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết “Đoàn Thanh G” dưới mục “BÊN A” trên 02 (hai) “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu A6, A7; chữ ký, chữ viết “Đoàn Thanh G” dưới mục “Ký và ghi rõ họ tên” trên 02 (hai) Hợp đồng vay tiền” ký hiệu A10, A11; chữ ký, chữ viết “Đoàn Thanh G” dưới mục “Đại diện bên B” trên “Hợp đồng vay tiền” ký hiệu A12; chữ ký, chữ viết “Đoàn Thanh G” tại dòng cuối trên “Giấy vay tiền mặt” ký hiệu A15 so với chữ ký, chữ viết của Đoàn Thanh G trên các tài liệu mẫu So sánh ký hiệu M28, M29, M30 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký “T1”, chữ viết “Nguyễn Văn T1” dưới mục “Bên B” trên “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu A5; chữ ký “T1”, chữ viết “Nguyễn Văn T1” dưới mục “Người nhận chuyển nhượng” trên “Giấy Chuyển

Nhượng Đất Vườn” ký hiệu A16; chữ viết “Nguyễn Văn T1” dưới mục “Người cho vay” trên “Hợp Đồng Vay Tiền” ký hiệu A18; chữ ký “T1”, chữ viết “Nguyễn Văn T1” dưới mục “Người nhận chuyển nhượng” trên “Giấy Chuyển Nhượng” ký hiệu A19 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M19, M20, M21 là do cùng một người ký, viết ra.

* Chữ ký “Đ”, chữ viết “Lê thị Đ” dưới mục “BÊN B” trên 04 (bốn) “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu từ A6 đến A9; chữ viết “Lê Thị Đ” dưới mục “Đại diện bên A” trên 03 (ba) “Hợp đồng vay tiền” ký hiệu A10, A11, A12; chữ ký “Đ”, chữ viết “Lê thị Đ” dưới mục “Người viết giấy” trên 02 (hai) “Giấy cam kết về việc chưa thực hiện sang tên đổi chủ” ký hiệu A13, A14 so với chữ ký, chữ viết của Lê thị Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M22, M23, M24 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết “Đặng Xuân Bình” dưới mục “BÊN B” trên 04 (bốn). “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu từ A6 đến A9; chữ ký, chữ viết “Đặng Xuân Bình” dưới mục “Đại diện bên A” trên “Hợp đồng vay tiền” ký hiệu A11; chữ ký, chữ viết “Đặng Xuân Bình, dưới mục “Người viết giấy” trên 02 (hai) “Giấy cam kết về việc chưa thực hiện sang tên đổi chủ” ký hiệu A13, A14 so với chữ ký chữ viết Đặng Xuân Bình trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M25, M26, M27 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Hình dấu tròn “U.B.N.D XÃ TA H. TK T. NGHỆ AN” trên 05 (năm) “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ký hiệu từ A5 đến A9 so với hình dấu tròn “U.B.N.D XÃ TA H. TK T. NGHỆ AN” ký hiệu từ M7 đến M13 trên các mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

- Tại kết luận giám định số 126/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 06/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, kết luận:

+ “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất” ký hiệu A1 gửi giám định là giả.

+ Chữ ký mang tên Đậu Trường Sơn dưới mục “CHỦ TỊCH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Đậu Trường Sơn trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không PH do cùng một người ký ra. .

+ Chữ viết “Phan T3 Lệ” dưới mục “Người tiếp nhận hồ sơ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Lê Văn Lệ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M10 không PH do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký “H”, chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “Bên A” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2; chữ ký “H”, chữ viết “Hò Thị H” dưới các mục “Bên nhận đặt cọc”, “PH chịu trách nhiệm trước pháp luật” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3; chữ ký “H”, chữ viết “Hò Thị H” dưới mục “Người nhận tiền trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết của Hò Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M11 đến M14 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn dưới mục “CHỦ TỊCH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với hình dấu tròn của UBND THỊ TRẤN TK H. TK T. NGHỆ AN trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 có pH do cùng một con dấu đóng ra hay không.

- Tại kết luận giám định số 109/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 21/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, kết luận: 02 (Hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” gửi giám định, ký hiệu A1, A2 là giả.

- Tại kết luận giám định số 340/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 28/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, kết luận: 01 (Một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 527837” gửi giám định ký hiệu A là giả.

Tại bản Cáo trạng số: 356/CT-VKS-P2 ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Hồ Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Truy tố Đoàn Thanh G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Truy tố Nguyễn Xuân T về tội “*Giả mạo trong công tác*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Các bị cáo người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt Hồ Thị H 19 năm đến 20 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt Hồ Thị H 04 năm đến 05 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt C của hai tội là 23 đến 25 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đoàn Thanh G 04 năm đến 05 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 359; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Xuân T 02 năm đến 02 năm 06 tháng về tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Hồ Thị H pH bồi thường cho người bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho Nguyễn Văn T1 1.155.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Lê Thị Đ 533.350.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Bùi Đức S 847.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 590.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Ngô Thị L 232.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H 300.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo pH chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hồ Thị H trình bày: Thống nhất về tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải, đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Hành vi đối với chị H1 mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo thì trước khi bị phát hiện, bị cáo đã trả 700.000.000 đồng, còn 590.000.000 đồng là giao dịch dân sự. Do đó, bị cáo không phạm tội trong hành vi này và cũng không pH chịu trách nhiệm dân sự trong vụ án này, được người bị hại (chị Đ) xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo thống nhất lời bào chữa không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đã tranh luận, đối đáp với người bào chữa và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Nghệ An, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng được ban hành đúng quy định, đúng thẩm quyền.

[2] Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị

hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do nợ nần nhiều nhưng không có tài sản thế chấp để vay tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên Hồ Thị H đã nảy sinh ý định làm giả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Thông qua một người có tên ZaLo là “Nguyễn Vượng” H đã đặt làm giả 07 GCNQSDĐ. Sau khi làm được 07 GCNQSDĐ giả này, Hồ Thị H đã sử dụng để cầm cố, chuyển nhượng các mảnh đất không có thật cho 6 người trên địa bàn huyện TK để chiếm đoạt tổng số tiền là 4.888.350.000 đồng gồm của ông Nguyễn Văn T1 1.305.000.000 đồng; của bà Lê Thị Đ 1.093.350.000 đồng; của ông Bùi Đức S 900.000.000đồng; của chị Nguyễn Thị H1 590.000.000đồng; của chị Ngô Thị L 700.000.000đồng; của ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H 300.000.000đồng. Hành vi của bị cáo Hồ Thị H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đoàn Thanh G biết rõ Hồ Thị H mượn đất của mình để lừa bán cho người khác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ. Nhưng G đã thông nhất và giúp sức cho Hồ Thị H chiếm đoạt của gia đình ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000đồng. Tuy không hưởng lợi bất chính, nhưng hành vi đó của Đoàn Thanh G đã đồng phạm với Hồ Thị H với vai trò giúp sức về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Xuân T là Công chức Tư pháp - hộ tịch của UBND xã TA, huyện TK, tỉnh Nghệ An. T biết rõ chức trách, nhiệm vụ của mình là chỉ được chứng thực hợp đồng chuyển nhượng đất trên địa bàn xã TA do mình phụ trách. Nhưng vì vụ lợi, T đã lập 04 hợp đồng, giả mạo chữ ký của Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã TA, Chủ tịch UBND thị trấn TK, huyện TK cho Hồ Thị H và Đoàn Thanh G thu lợi bất chính số tiền 40.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Xuân T đã phạm vào tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố là đúng người, đúng quy định của pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương và trật tự an toàn xã hội. Làm mất niềm tin của quần chúng nhân dân với chính quyền.

Đối với Hồ Thị H đã có hành vi sử dụng 07 GCNQSDĐ giả lừa đảo chiếm đoạt số tiền 4.888.350.000 đồng, phạm tội 2 lần trở lên là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy PH xử mức án nghiêm

khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả 1.231.000.000 đồng, bố bị cáo là thương binh, được người bị hại (bà Đ) xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Đoàn Thanh G phạm tội đồng phạm với bị cáo Hồ Thị H với vai trò giúp sức cho bị cáo Hồ Thị H chiếm đoạt của ông H1 và bà H 300.000.000 đồng. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2012 bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 27/7/2022 bị Tòa án nhân dân huyện TK xử phạt 07 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Vì vậy cũng cần cách ly bị cáo một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa C. Nhưng xét, quá trình điều tra đã khai báo thành khẩn, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T là công chức tư pháp xã TA biết rõ những công việc mình được làm. Nhưng vì vụ lợi, T đã lập 04 hợp đồng chuyển nhượng, đồng thời giả mạo chữ ký của chủ tịch và phó chủ tịch UBND xã TA, chủ tịch UBND thị trấn TK để chứng thực các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Hồ Thị H và Đoàn Thanh G, tạo điều kiện cho H và G thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cũng cần pH cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn; tác động gia đình giao nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính; quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen (2011), Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen (năm 2008); có mẹ được nhà nước tặng thương Huân chương kháng chiến hạng 3, Huy chương vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn, bố được UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen vì có nhiều thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

[5] Trong vụ án này, quá trình điều tra xác định, ông Nguyễn Văn T1 cho H vay tiền với lãi suất 90%/năm, ông Bùi Đức S cho H vay tiền với lãi suất 36%/năm, nên chưa cấu thành tội phạm. Do đó Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An đã chuyển tài liệu cho Công an huyện TK, tỉnh Nghệ An đề nghị xử lý

vi phạm Hành chính theo Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ đối với ông T1 và ông S.

Đối với ông Trần Quốc T3: Theo H khai thì số tiền 300.000.000 đồng mà H sử dụng để trả cho anh D là do H cùng với Nguyễn Xuân T sử dụng 01 GCNQSDĐ giả để lừa vay của ông Trần Quốc T3 để vay 400 triệu đồng, rồi trả cho anh D 300 triệu đồng. Ông T3 xác nhận có cho H vay 400 triệu đồng, nhưng H đã trả hết cho ông T3. Đối với GCNQSDĐ mà H cầm cố cho ông T3 để vay tiền thì ông T3 khai đã đốt, không thu giữ được, ông T3 cũng không có yêu cầu gì với H nên không có cơ sở xem xét.

Hành vi sử dụng giấy tờ giả của Đoàn Thanh G đã được Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Nghệ An xét xử tại Bản án số 51/HSST ngày 27/7/2022.

Đối với Giấy CNQSDĐ số AO 527837 đứng tên Trần Đăng Huy và Nguyễn Thị Thập mà H sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông T1 qua giám định xác định là giấy giả. Do ông Huy và bà Thập không còn sinh sống ở địa phương nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Hồ Thị H về hành vi sử dụng giấy tờ giả này. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Người làm các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Hồ Thị H có tên Zalo là Nguyễn Vượng do chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Đ chị Ngô Thị L không yêu cầu tính tiền lãi suất. Đối với ông Bùi Đức S yêu cầu tính tiền lãi suất 53.000.000 đồng, xét thấy số tiền bị chiếm đoạt đã được xác định là tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án Hình sự, không pH giao dịch Dân sự có lãi suất, nên không có căn cứ chấp nhận tính tiền lãi suất. Do đó, cần buộc bị cáo Hồ Thị H bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho ông Hồ Sỹ T1 số tiền 1.155.000.000 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị Đ 533.350.000 đồng; bồi thường cho ông Bùi Đức S 847.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 590.000.000 đồng; bồi thường cho chị Ngô Thị L 232.000.000 đồng; bồi thường cho vợ chồng ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H 300.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- 07 (Bảy) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” giả; Các tài liệu khác như Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng dụng đất, Giấy vay tiền... được L vào hồ sơ vụ án.

- Tịch thu 40 triệu đồng tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Xuân T để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 527837 và số I 104972. Cơ quan điều tra đang bảo quản 02 Giấy này tại Kho vật chứng Công an tỉnh Nghệ An để điều tra xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt Hồ Thị H 19 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt C của hai tội là 23 (Hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 23/3/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đoàn Thanh G 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 23/10/2022.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 359; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Xuân T 24 tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Hồ Thị H pH bồi thường cho người bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1 1.155.000.000 (Một tỉ một trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

- Bồi thường cho chị Lê Thị Đ 533.350.000 (Năm trăm ba ba triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Bồi thường cho ông Bùi Đức S 847.000.000 (Tám trăm bốn bảy triệu) đồng.

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 590.000.000 (Năm trăm chín mươi triệu) đồng.

- Bồi thường cho chị Ngô Thị L 232.000.000 (Hai trăm ba hai triệu) đồng.

- Bồi thường cho vợ chồng ông Lê Thanh H1 và bà Nguyễn Thị H 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Tịch thu số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng tiền thu lợi bất chính thu giữ của Nguyễn Xuân T để sung vào ngân sách Nhà nước. (Số tiền hiện đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An, có đặc điểm được thể hiện tại Biên bản giao nhận tài sản ngày 31/10/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An với Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An).

- 07 (Bảy) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” giả; Các tài liệu khác như Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng dụng đất, Giấy vay tiền... được L vào hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Hồ Thị H, Đoàn Thanh G và Nguyễn Xuân T, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hồ Thị H pH chịu 105.147.000 (Một trăm lẻ năm triệu một trăm bốn bảy nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa T3 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

6. Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lam

Nguyễn Anh Sơn